TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyễn Ngọc Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc.

2. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 257/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Mai T, sinh năm 1988; thường trú: Số 152/3C, khu phố B, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Trương Ngọc L, sinh năm 1980; thường trú: Số 257/9B, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lưu Mai T đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Mai T và anh Trương Ngọc L tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 208, quyển số 01, ngày 11/11/2011.

Sau khi kết hôn, chị T và anh L sinh sống tại số 152/3C, khu phố B, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Đến tháng 8/2012, chị T và anh L chuyển đến sinh sống tại số 257/9B, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Đến tháng 10/2013, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị T cùng với con về sinh sống ở số 152/3C, khu phố B, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương và anh chị sống ly thân cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, đến tháng 8/2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L thay đổi tính tình, hay tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc đến vợ con, mặc dù chị T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh L vẫn không thay đổi nên chị đem con về nhà cha mẹ sinh sống cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh L có 01 con chung tên Trương Ngọc Cẩm T, sinh ngày 28/4/2012, hiện nay cháu T đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và tự nguyện không yêu cầu anh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tố tụng, bị đơn anh Trương Ngọc L đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập tham gia tự khai vào ngày 09/4/2018; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 07/5/2018; tham gia phiên tòa vào các ngày 25/5/2018 và ngày 13/6/2018, nhưng anh L vắng mặt không có lý do.

- Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An ngày 03/5/2018 tại UBND phường T, thị xã D thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường T không tiếp nhận thông tin từ cơ sở phản ánh về mâu thuẫn vợ chồng và về vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Lưu Mai T và anh Trương Ngọc L, đồng thời không tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, chị T và anh L có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã mâu thuẫn trong một thời gian dài, không thể hàn gắn và đã sống ly thân từ tháng 10/2013 cho đến nay. Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh L là có căn cứ. Về con chung, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu này của chị T là phù hợp, thực tế từ tháng

10/2013 cho đến nay anh L cũng không quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và cháu Trương Ngọc Cẩm T đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện khởi kiện: Chị Lưu Mai T khởi kiện anh Trương Ngọc L về việc yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung nên đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh L sinh sống và thường trú tại số 257/9B, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lưu Mai T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Trương Ngọc L được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Mai T và anh Trương Ngọc L là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 208, quyển số 01, ngày 11/11/2011 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị T xác định trong quá trình chung sống với anh L xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được với nhau. Từ tháng 10/2013, chị T cùng với con về sinh sống ở số 152/3C, khu phố B, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương và anh chị sống ly thân cho đến nay. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích đó vợ chồng phải tôn trọng, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Do tình trạng mâu thuẫn kéo dài từ năm 2013 đến nay nên chị T xác định không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân và không còn tình cảm với anh L. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập đến làm việc nhưng anh L đều vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, anh L cũng không có văn bản nào thể hiện thiện chí đưa ra phương pháp hàn gắn mối quan hệ giữa anh và chị T nên có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị T và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Lưu Mai T và anh Trương Ngọc L có một con chung tên Trương Ngọc Cẩm T, sinh ngày 28/4/2012. Chị T yêu cầu sau khi ly

hôn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của chị T. Xét chị T, anh L đã sống ly thân từ tháng 10/2013, từ đó đến nay cháu T sống cùng với chị T, do đó yêu cầu của chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T là phù hợp, có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung, nợ chung: Chị Lưu Mai T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí ly hôn: Chị Lưu Mai T phải chịu án phí theo quy định của của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lưu Mai T đối với bị đơn anh Trương Ngọc L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Mai T được ly hôn với anh Trương Ngọc L (Giấy chứng nhận kết hôn số 208, quyển số 01 ngày 11/11/2011 do Ủy ban nhân dân phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương cấp).

- Về con chung: Giao con chung tên Trương Ngọc Cẩm T, sinh ngày 28/4/2012 cho chị Lưu Mai T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lưu Mai T không yêu cầu anh Trương Ngọc L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Lưu Mai T và anh Trương Ngọc L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với con chung chưa thành niên; không ai được lạm dụng việc thăm nom cản trở các quyền này. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung, nợ chung về tài sản: Chị Lưu Mai T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí ly hôn: Chị Lưu Mai T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019054 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Nguyễn Ngọc Quang